

## LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

### QUYỂN 4

#### Phẩm 6: **TRÍ**

Nay muốn phân biệt về trí phần của Niết-bàn. Vì sao? Vì trí có công năng cắt đứt các phiền não. Vì muốn giải thích rộng về trí nên trước nói kệ này:

*Nếu tánh trí biết rõ  
Quán sát tất cả hữu  
Có không có Niết bàn,  
Tương đó ta sẽ nói.*

Có không có là gọi Niết-bàn. Thế nên, người trí quán có, không. Có, nghĩa là hết thấy pháp hữu lậu, là nghĩa khổ, tập. Có, không có đó là diệt đế. Vì tất cả hữu, không có, cho nên gọi là có, không có. Trong đó là nghĩa không có.

Đấy là nói có đối trị, gọi là diệt, nên diệt chẳng phải là không. Không phải không có vật mà có đối trị. Ví như diệt tận, chánh thọ, tâm, tâm sở pháp không hành. Vì đối trị nên nói diệt là có vật, như là Niết bàn đối trị tất cả hữu. Do đó có sự việc như trừ khỏi bệnh được không có bệnh. Tương ấy gọi là tịch diệt, tương tịch diệt v.v...

Chúng phan duyên với trí, người trí quán sát Niết-bàn, chẳng phải không có cảnh giới mà có trí chuyển. Thế nên, nếu trí quán sát cảnh giới đó, tức là đạo.

Hỏi: Trí đó như thế nào?

Đáp:

*Ba trí, Phật đã nói  
Giác bậc nhất hơn hết  
Pháp trí, tùy thuận trí  
Cho đến Thế tục trí.*

Ba trí này gồm thấu tất cả trí. Pháp trí là trí đối với cảnh giới cõi Dục, hoặc đối trị Diệt của cõi Dục. Hoặc cảnh giới vô lậu. Trí ấy đầu

tiên chọn lấy pháp, quyết định thực hành, nên gọi là pháp trí. Tùy thuận trí, nghĩa là nếu trí đối cảnh giới cõi Sắc, Vô Sắc đối trị diệt cõi Sắc, hoặc cảnh giới vô lậu. Vì kế sau Pháp trí, thứ lớp thuận theo, nên gọi là tùy thuận.

Thế tục trí, nghĩa là nếu trí hữu lậu thọ nhận nhiều số thế tục, nghĩa là nam, nữ ,v.v... nên nói là trí thế tục. Hết thủy như vậy v.v... gọi là Thế tục trí.

*Khổ, tập và diệt, đạo  
Hai trí thuận theo sinh  
Bốn thứ trí như vậy  
Mâu-ni tùy tên nói.*

Pháp trí, Tùy thuận trí, nghĩa là tùy thuận theo Thánh đế mà chuyển, Đức Thế Tôn tùy theo tên gọi mà nói là cảnh giới khổ đế, nên nói là Khổ trí. Như vậy, vì cảnh giới Tập, Diệt, đạo đế, nên gọi là Tập, Diệt, Đạo trí. Ở đây, hành của hai trí Khổ, Tập khác nhau: Hành khổ chuyển thì gọi là Khổ trí, hành tập chuyển, gọi là Tập trí. Còn duyên sự thì không khác nhau vì đồng duyên với năm ấm. Hai trí diệt, đạo hành duyên thì khác nhau.

*Nếu trí quán tha tâm  
Ấy từ ba trí nói  
Hai trí: Tận, vô sinh  
Phải biết ở bốn môn.*

Nếu trí quán tha tâm, là nói từ ba trí: Nghĩa là trí tha tâm hữu lậu trong ba trí là thế trí. Nếu là cảnh giới đối trị của cõi Dục, thì cảnh giới đó là Pháp trí. Nếu là cảnh giới đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc, thì đó là Tùy thuận trí. Nếu cảnh giới của tâm, tâm sở pháp phương tiện tâm, tâm sở đó được thành tựu, thì gọi là trí tha tâm.

Hai trí tận, vô sinh: Nghĩa là Tận trí và Vô sinh trí. Hai trí: Pháp trí, Tùy thuận trí đã làm và đã thọ nhận rốt ráo cuối cùng thì gọi là Tận trí; Không còn làm và nhận nữa là Vô sinh trí.

Hỏi: Tận, Vô sinh trí là cảnh giới của đế nào?

Đáp: Phải biết là ở bốn môn. Đây là nghĩa duyên với bốn đế, Trừ Tận trí ở đầu, còn các trí kia đều duyên với hai đế.

Đã phân biệt mười trí, nay sẽ phân biệt về hành

*Hai trí, mười sáu hành  
Pháp trí, Tùy thuận trí  
Trên đã nói và khác  
Là nói Thế tục trí.*

Mười sáu hành của Thế trí chuyển, trước và sau đều có mười sáu hành đó, gồm nhiếp Noãn, Đảnh, Nhẫn, ngoài ra, gồm nhiếp văn, tư, tu tuệ và pháp Thế đệ nhất. Mười hai hành, bên cạnh bốn hành vô gián, v.v... Ngoài kia lại có hành, đó là thí, giới, từ, v.v...

*Bốn trí có bốn hành  
Do hành quyết định nói  
Nếu biết tha tâm trí  
Hành đó hoặc không phải.*

Bốn trí có bốn hành, do hành quyết định nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành. Tập, diệt, đạo trí cũng như vậy.

Nếu biết tha tâm trí với hạnh như vậy, hoặc không phải: Nghĩa là nếu tha tâm trí vô lậu thì trí đó có bốn hành. Như đạo trí là phần ít của đạo trí, nếu hạnh hữu lậu thì khác, vì chỉ gồm nhiếp tâm, tâm sở pháp hữu lậu.

*Tận trí, Vô sinh trí  
Lìa hành Không - Vô ngã  
Nói có mười bốn hành  
Tướng thọ là trên hết.*

Tận trí, Vô sinh trí, lìa bỏ hành Không, Vô ngã, nói có mười bốn hành: nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí từ Đệ nhất nghĩa chuyển; cũng là thân cận với Thế trí, tác ý: Ta và chúng sinh đã tận. Như thế, cùng giữ lấy hành tướng tự của ta và chúng sinh; còn hành không, hành vô ngã, nhất định là nghĩa đệ nhất chuyển, không duyên với thế tục. Cho nên, Tận trí, Vô sinh trí thì hành không, hành vô ngã không chuyển biến. Do đó có mười bốn hành.

Hỏi: Tất cả trí vô lậu có gồm nhiếp tất cả mười sáu hành chăng?

Đáp: Không. Thọ tướng là trên hết. Mười sáu hành kia là hành chung. Nếu lại chấp lấy tự tướng trí vô lậu thì như thân - niệm - xứ, v.v... trí đó không thuộc về mười sáu hành.

Đã nói sự khác nhau của các hành, nay sẽ nói về sở đắc của hành:

*Tâm vô lậu đầu tiên  
Hoặc có thành tựu một  
Hai hoặc thành tựu ba  
Ở bốn trên, thêm một.*

Tâm vô lậu đầu tiên, hoặc có thành tựu một, nghĩa là tâm tương ưng với Khổ pháp nhãn đầu tiên, chưa lìa Dục, thành tựu một trí, đó là Thế trí. Lìa Dục rồi, thành tựu Tha tâm trí, không hiện ở trước. Chẳng

phải kiến đạo, Tha tâm trí thứ lớp hiện ra trước. Vì sao? Vì trái với sự lưu chuyển.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là tâm tương ứng với Khổ pháp trí vô lậu thứ hai, chưa lìa Dục thì thành tựu ba: pháp trí, khổ trí và thế trí. Nếu lìa dục thì thành tựu Tha tâm trí.

Ở bốn trên thêm một, nghĩa là với bốn địa trên trong sát na tâm phải biết mỗi địa đều thêm khổ tử trí, là được tử trí; tập pháp trí, được tập trí; diệt pháp trí, được diệt trí, đạo pháp trí, được đạo trí, tập, diệt, đạo, tử trí. Và nhân thì không được, vì chưa từng được trí.

Hỏi: Các trí này y cứ vào các địa nào?

Đáp:

*Chín trí, bậc Thánh nói  
Trí này dựa hai địa  
Nên biết thiên có mười  
Tám trong địa Vô Sắc.*

Chín trí bậc Thánh nói, đều căn cứ hai địa: Nghĩa là chín trí này căn cứ vào thiên vị lai, thiên trung gian, trừ tha tâm trí.

Phải biết thiên có mười: Bốn thiên căn bản mỗi thiên có mười trí.

Hỏi: Vì sao trong thiên trung gian, thiên vị lai không có tha tâm trí?

Đáp: Vì cảnh giới này rất nhỏ nhặt. Thiên vị lai thì ít đạo đối với tâm, tâm sở pháp trong thân của người khác. Không phải ít đạo, mà có khả năng nhận lấy nghĩa nhỏ nhặt của cảnh giới kia. Đạo của thiên căn bản, với song hành chỉ, quán, là đạo có sức khá mạnh mẽ, nên tâm kia có khả năng nhận lấy.

Trong địa Vô Sắc có tám: Trừ Pháp trí và Tha tâm trí. Pháp trí là cảnh giới cõi Dục, cõi Vô Sắc dựa vào pháp đối trị, hành duyên xa ở cõi Dục. Vì vậy, nên ở cõi Vô Sắc không có Pháp trí. Tha tâm trí duyên với sắc, có khả năng phát sinh. Do vậy, chuyển biến ở cõi Sắc không phải là trong Vô Sắc. Ngoài ra, ở Hữu đảnh vị lai có một thế trí. Vì sao? Vì là hữu lậu.

Đã nói sự khác nhau của các địa, nay sẽ nói sự khác nhau về tu.

Tu có sáu thứ: Đắc tu, Tập tu, Đối trị tu, Xuất ly tu, Giới tu và Quán sát tu.

Đắc tu là đối với pháp thiện không được mà được ở hiện tại vị lai.

Tập tu là với công đức trước đây đã được, hiện tiền tu.

Đối trị tu là tu đạo đối trị đối với các pháp hữu lậu.

Xuất ly tu là lúc tu đạo, lia bỏ pháp cấu uế.  
 Giới tu là đạo có khả năng điều phục các căn.  
 Quán sát tu là quán sát thân, v.v... Trong đây, chỉ chọn hai thứ tu, đó là Đắc tu và Tập tu.

*Các trí của Đắc tu  
 Là ở Thánh kiến đạo  
 Tập tu là vị lai  
 Các Nhẫn cũng như vậy.*

Nếu là các trí của Đắc tu thì ở Thánh kiến đạo tu thế nào, vị lai cũng tu thế ấy. Nếu là các trí ở kiến đạo hiện tiền tu thì tức là Tập tu ở vị lai. Nghĩa là Khổ pháp trí tu hiện tại, cũng là trí tu ở vị lai. Không phải Nhẫn, không phải trí khác.

Như vậy, cho đến Đạo pháp nhẫn. Các nhẫn cũng như thế, nghĩa là trong nhẫn cũng như vậy. Khổ pháp nhẫn tu hiện tại, nhẫn đó cũng tu ở vị lai, không phải trí, không phải nhẫn khác, tất cả nhẫn đều cũng như thế.

Hỏi: Vì sao Kiến đạo chỉ tu đạo của phần mình, còn Tu đạo thì tu phần mình và không phải phần mình?

Đáp: Vì trí ấy chưa tu. Trí ấy chưa tập, chưa luyện trong Kiến đạo. Cả hai đều thực hiện trong Tu đạo.

*Ở trong ba tâm kia  
 Đắc tu ở Thế trí  
 Hoặc tu bầy hoặc sáu  
 Nên biết tâm sau cùng.*

Ở trong ba tâm kia, Đắc tu là đối với Thế trí, nghĩa là Thế trí của Đắc tu trong ba tâm thuộc Kiến đạo tức là Khổ, Tập, Diệt Tỷ trí, thuận theo kiến đạo của địa đó, tức địa ấy có Thế trí và tu Thế trí cõi Dục. Hoặc dựa vào địa của vị lai được quyết định sự tu ở vị lai và Thế trí của cõi Dục.

Như vậy, y cứ vào thiên thứ tư được quyết định, người đó tu Thế tục trí của bầy địa.

Hỏi: Vì sao không tu Đạo Tỷ trí?

Đáp: Vì trí đó vô biên, vì nên để không có gián đoạn; các biên hạn thành tự nên gọi là vô gián đẳng biên. Không có khả năng tu tất cả đạo, đối với đạo của người khác không có khả năng tu, đối với tự thân tu, cho đến hành vị lai của phần mình cũng không hiện trước mặt. Đối với ba đế kia thì mình, người đều có khả năng nhận biết, khả năng dứt trừ và khả năng chứng đắc, cho nên thuận theo mà được biên, và có khả

năng tu. Do đó trí đó có khả năng tu, không phải trí khác; thậm chí pháp trí cũng không tu. Vì sao? Vì để vô gián v.v... chưa rốt ráo. Vì đối với đế này, Thế tục trí vốn đã từng làm chứng, cho nên tu trí này chỉ có tên tốt, nhưng về phương tiện vẫn chưa được.

Hoặc tu bảy, hoặc sáu, phải biết là tâm sau cùng, nghĩa là nếu lìa bỏ dục của cõi Dục, thì hành giả kia với Đạo Tỷ trí là tu bảy trí thuộc về quả A-na-hàm, trừ Thế tục trí, Tận trí, Vô sinh trí. Nếu chưa lìa bỏ dục thì tu sáu trí, trừ Tha tâm trí. Do đối trị Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, người đó được quả Sa-môn, đó là do không tu Thế trí.

*Ở trên đó tu đạo  
Mười bảy tâm vô lậu  
Phải biết tu bảy thứ  
Căn tăng ích tu sáu.*

Ở trên đó tu đạo, với mười bảy tâm vô lậu, phải biết tu bảy thứ, nghĩa là nếu chưa lìa sáu thứ ham muốn, từ mười bảy sát-na trong tu đạo trên quả Tu-đà-hoàn, phải biết tu bảy trí. Đây nói thuộc về thiền vị lai, không có Tha tâm trí, cũng không có Tận trí, Vô sinh trí, vì là vô học. Thế nên, trong Tu đạo tu bảy trí còn lại này. Nếu hành giả đó do đạo thế tục tiến triển trí thế tục kia hiện trước mặt thì bảy thứ trí ở vị lai. Nếu bốn thứ pháp trí, của đạo xuất thế gian, mỗi trí hiện trước mặt, thì bảy trí còn lại ở vị lai.

Căn tăng ích, tu sáu: Căn tăng ích, nghĩa là hoặc tín giải thoát, luyện tập, đối trị các căn, tiến tới đắc Kiến đạo. Căn tăng tiến kia được tu sáu trí, trong tất cả đạo vô ngại, đạo giải thoát. Vì chưa lìa dục nên không có Tha tâm trí. Hơn nữa, tu đạo tinh tiến, không phải dứt phiền não một cách tinh tiến. Người này chưa được công đức của tu tiến, cho nên không tu Thế trí.

*Lúc được quả Bất hoàn  
Vượt khỏi bảy địa trên  
Huân tu các thân thông  
Giải thoát tu tập tám.*

Lúc được quả Bất hoàn, nghĩa là nếu lúc được quả A-na-hàm thì nhất định phải được căn bản thiền, cho nên tu Tha tâm trí và bảy thứ đã nói ở trước. Vượt qua bảy địa trên, nghĩa là bốn thiền, ba Vô Sắc, lúc lìa ham muốn của bảy địa, cũng tu tám trí trong chín đạo giải thoát.

Nếu dùng đạo thế tục để tu tiến trí thế tục của đạo kia hiện trước mặt thì vị lai có tám. Nếu khi tu tinh tiến đạo xuất thế gian thì vào lúc đó, bốn tỷ trí và diệt, đạo, pháp trí, mỗi trí hiện ở trước vị lai có tám,

huân tu các thần thông giải thoát. Tu tập tám trí. Nghĩa là huân tu khởi hiện một đạo giải thoát, trong đó có tám pháp trí, tử trí, mỗi trí hiện ngay trước mặt, vị lai có tám. Sanh ra cảnh giới thần thông, trí tức mạng trong đạo giải thoát. Trí thế tục được hiện ở trước mặt, vị lai có tám trí, trí tha tâm, pháp trí, tử trí của đạo giải thoát. Nếu là Tha tâm trí trong thế trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai có tám, thì không có sanh tử, thông, đạo giải thoát vì vô ký mà không tu.

*Trong đạo vô ngại này*

*Ra khỏi hữu thứ nhất*

*Tám đạo giải thoát kia*

*Phải biết tu bảy trí.*

Bảy địa lìa dục tất cả trong đạo vô ngại thì tu bảy trí nghĩa là tu đối trị trí trong đạo vô ngại. Vì vậy, nên không tu Tha tâm trí, vì trí đó không phải đối trị. Huân tu khởi hiện, hai tâm ở đạo vô ngại tương tự. Tâm thứ nhất là vô lậu. Tâm thứ hai là Thế tục. Trong tâm vô lậu tám: pháp trí, Tử trí mỗi trí hiện ở trước, vị lai có bảy trí, trừ Tha tâm trí, tất cả đạo vô ngại, không tu Tha tâm trí. Đạo thế tục, thế tục trí hiện ở trước mặt, ở vị lai cũng có bảy trí. Khởi hiện bốn thần thông trong đạo vô ngại, trí thế tục hiện ở trước, vị lai nhất định bảy trí. Tha tâm trí hữu lậu cũng vậy. Tha tâm trí vô lậu, đạo pháp, tử trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai nhất định bảy trí. Hữu đảnh lìa ham muốn, tám đạo giải thoát, bốn tử trí, hai pháp trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai cũng có bảy trí. Trí thế tục thối lui trong đạo vô ngại kia, vì không phải đối trị. Trí thế tục chưa từng đến Hữu đảnh, đôi khi còn làm phương tiện không quyết định.

*Qua khỏi đệ nhất hữu*

*Đạo vô ngại tu sáu*

*Thượng thừa phải nên biết*

*Tu tập ở địa dưới.*

Qua khỏi đệ nhất hữu, đạo vô ngại tu sáu trí, nghĩa là hữu thứ nhất lìa bỏ ham muốn, chín đạo vô ngại, tu sáu trí, trừ trí tha tâm, trí thế tục, các trí khác đều hiện ở trước. Về đạo giải thoát ở trước đã nói: Sáu trí gồm bốn tử trí và hai pháp trí.

Thượng thừa cần nên biết, tu tập ở địa dưới, nghĩa là phải biết tu trí địa mình và trí địa cõi dưới trong tất cả địa. Nếu Sơ thiền tiến đến trí đó, tu công đức của địa mình, cũng tu công đức thuộc về thiền vị lai. Như vậy, cho đến trình tự của Bất dụng xứ cũng như thế.

Nếu người nào cho đến Bất dụng xứ lìa ham muốn, dựa vào Sơ thiền, cho đến Hữu đảnh lìa dục, thì người đó tu tiến trí vô lậu của chín

địa, như vậy, tất cả cần phải biết.

*Sơ tâm vô học tu  
Các địa sinh công đức  
Tất cả lậu, vô lậu  
Đấy là thuận theo trí.*

Sơ tâm vô học tu, các địa sinh công đức, tất cả: Lậu, vô lậu, nghĩa là được quả A-la-hán, công đức hữu lậu, vô lậu của tất cả địa, tất cả tu tinh tiến.

Hỏi: Vì sao địa này tu tất cả công đức?

Đáp: Vì việc đoạn tất cả sự ràng buộc đã xong được nghỉ ngơi. Pháp cởi mở sự ràng buộc của Đức Như Lai là hàng phục phiền não, chúng lực sĩ đều vui sướng, tâm được tự tại, đứng đầu là giải thoát sự trói buộc. Như vua mới lên ngôi, muôn họ ở bốn phương đều đem ngọc ngà, châu báu dâng cống, đoạn sạch kẻ thù phiền não khó trị, giết mọi oan gia, mọi người trong nước đều quy phục. Hành giả kia, trước đây, tuy đã được công đức của địa dưới, nhưng còn có phiền não nối tiếp, nên không sáng sạch. Nay vì dứt sạch phiền não, nên công đức sáng sạch và thành tựu tâm nhập định, xuất định, nên mới huân tu. Nếu trụ cõi Dục, được quả A-la-hán, hoặc là pháp như vậy. Nếu trụ cõi Sắc, được A-la-hán, nghĩa là tu tiến tu đầy đủ công đức của hai cõi kia, cho nên sinh ở một cõi, các địa như vậy cần phải biết.

Hỏi: Sơ tâm của Vô học tương ứng với trí nào?

Đáp: Đấy là Tùy thuận trí. Tương ứng với Tùy thuận trí này, người kia nghĩ rằng sanh tử của ta đã dứt hết, ấm của Phi tướng Phi phi tướng xứ nhận lấy sự sanh trong đấy, người kia duyên với sự sanh đó. Vì sao? Vì đấy là dứt sau cùng. Cho nên là khổ tử trí, hoặc tập tử trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Như thấy và trí, tuệ thì đây là một hay khác?

Đáp: Thấy là tánh của tuệ, Đức Thế Tôn quán nhân duyên nên nói như vậy.

*Các nhãn, không phải trí  
Tận, vô sinh: phi kiến  
Ngoài ra các Thánh tuệ  
Phải biết ba chủng tánh.*

Các nhãn không phải trí, nghĩa là nhãn của tám vô gián, v.v... chẳng phải trí. Vì sao? Vì nhãn không quyết định. Nghĩa quyết định là nghĩa của trí, còn nhãn thì không quyết định. Khi đối trị với phẩm của mình, thì nghi sinh theo. Người có nhãn thì mong dục chuyển, người trí



thì mong dứt dục. Vì vậy, nên hẳn không phải trí.

Tận trí, vô sinh trí không phải kiến: Nghĩa là hai trí: Tận và vô sinh đều có khả năng thấy, và chỉ cho ta biết, là tuệ quyết định.

Vì sao trí không phải là thấy? Vì không mong cầu, vì trung bình.

Ngoài ra các Thánh tuệ, phải biết có ba chủng tánh, nghĩa là việc của tuệ vô lậu khác là có ba tánh: thấy, trí và tuệ.

*Nếu trí hữu lậu thiện  
Ở ý thì là kiến  
Thấy phiền não là trí  
Trí này gọi là tuệ.*

Nếu trí hữu lậu thiện ở ý thì là kiến, nghĩa là địa của ý trí hữu lậu thiện có khả năng mong cầu, nên cũng nói là thấy.

Thấy phiền não là trí, là nếu thấy tự tánh của phiền não. Nghĩa là thân kiến, v.v..., thì thân kiến đó chuyển từ sự đo lường, suy nghĩ, hiểu biết, cố mong cầu, nên gọi là kiến. Còn mang tính quyết định thì gọi là trí.

Trí này và cái khác gọi là tuệ, nghĩa là nếu đã nói, ấy là sự của Thấy, sự của Tuệ, còn cái khác chưa nói, như năm kiến của ý địa vô ký. Giới của ý cấu uest bên ngoài và hết thấy trí tương ứng với năm thức thân, tất cả là tuệ. Phải biết trong ấy chưa nói là nói trong năm kiến kia, nếu là vô ký thì không thể suy lường, không thể giác sát, không thể tìm kiếm, nên không phải kiến, bị cấu uest là do phiền não cấu uest, pháp tương ứng với năm thức thân không thể phân biệt cảnh giới hiện thật, hễ đi qua là rơi ngay, các kiến thì không như vậy.

Hỏi: Mỗi trí duyên bao nhiêu trí?

Đáp:

*Pháp trí, Tùy thuận trí  
Quán sát nơi chín trí  
Trí nhân và trí quả  
Cảnh hai trí, phải biết.*

Pháp trí, Tùy thuận trí, quán sát chín trí, nghĩa là Pháp trí duyên với chín trí, trừ Tỷ trí. Tỷ trí cũng duyên với chín trí, trừ Pháp trí. Đạo pháp trí duyên với tất cả. Pháp trí và phần của nó cũng như các trí khác như Khổ, Tập pháp trí duyên với Thế trí cõi Dục.

Như vậy, Đạo tỷ trí duyên với tỷ trí của phần mình. Khổ, tập, tỷ trí duyên với Thế trí của cõi Sắc, cõi Vô Sắc và Tha tâm Thế tục trí.

Hỏi: Vì sao Pháp trí và Tỷ trí không duyên lẫn nhau?

Đáp: Vì có sự khác nhau giữa sự duyên trên dưới. Như hai người

cùng thấy đất và hư không. Cảnh của hai trí là trí nhân và trí quả, phải biết là Tập trí duyên với hữu lậu tha tâm trí và thế tục trí. Vì sao? Vì số phận của tập đế là không duyên với trí khác, vô lậu khác. Khổ trí cũng vậy.

*Đạo trí duyên chín trí  
Diệt trí không cảnh giới  
Tất cả cảnh giới khác  
Do trí quyết định nói.*

Đạo trí duyên với chín trí: Nghĩa là Đạo trí duyên với chín trí, trừ Thế tục trí. Vì sao? Vì hữu lậu. Duyên với chín trí còn lại. Vì sao? Vì là số phần của đạo đế. Diệt trí không có cảnh giới, là Diệt trí không duyên với trí. Vì sao? Vì nó duyên với vô vi. Ngoài ra, đã nói trí quyết định tất cả cảnh giới khác, nghĩa là bốn trí còn lại duyên với mười trí.

Thế trí duyên với mười trí. Vì sao? Vì cảnh giới của tất cả pháp. Như vậy, Tha tâm trí là cảnh giới của tất cả tâm, tâm sở khác, vì trí tha tâm hữu lậu đó, duyên với trí hữu lậu. Như vậy, vô lậu duyên với vô lậu, trong đó, Pháp trí thì thuộc phần của Pháp trí, tùy thuận thì thuộc phần Tùy thuận trí; căn địa, người, sự hóa độ đều không phải duyên. Tận trí, vô sinh trí cũng như vậy, vì tất cả là cảnh giới hữu vi.

Hỏi: Như Đức Phật đã nói: Nếu Tùy thuận trí lìa dục Hữu đảnh, sẽ được quả A-la-hán, không phải đều là Tùy thuận trí chăng?

Đáp: Pháp trí đoạn đối trị của phần kia, cũng có là phần đối trị của Pháp trí.

Hỏi: Việc này là sao?

Đáp:

*Sở chuyển của Pháp trí  
Nếu ở trong Diệt đạo  
Thì đối trị ba cõi  
Chẳng Dục tùy thuận trí.*

Nếu là sở chuyển của Pháp trí trong Diệt, Đạo, thì là đối trị của ba cõi, nghĩa là pháp trí của diệt, đạo trong tu đạo, cũng là pháp đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc. Người đó sinh cõi Dục, lìa bỏ kiết của cõi Sắc, Vô Sắc. Tự địa đó bị ám ép ngặt, trong ấy đã thấy lỗi lầm, muốn lìa bỏ lỗi lầm đó, nên họ mong cầu pháp đối trị. Lìa bỏ ham muốn ba cõi, trừ khử lìa dục của Hữu đảnh, chỉ có đạo vô ngại của Pháp trí đạo giải thoát của Tùy thuận trí.

Hỏi: Vì sao không là khổ, tập, pháp trí trừ bỏ?

Đáp: Vì khổ, tập không đồng đều: Khổ, tập của cõi Dục thì thấp

kém, còn cỡi Sắc, Vô Sắc thì tốt đẹp, không nên quán sát sự thấp kém mà nhầm chán lia bỏ cỡi trên nào có lỗi gì? Tuy phiên nào ở khác chỗ, nhầm chán, lia bỏ khác chỗ nhưng Diệt Đạo thì tương tự. Cho nên, quán sự nhầm chán, lia bỏ dục của ba cỡi kia, theo đạo lý này mà nói.

Hỏi: Từng có Tùy thuận trí cũng là đối trị của cỡi Dục chẳng?

Đáp: Không phải Tùy thuận trí của cỡi Dục. Không có Tùy thuận trí để đối trị cỡi Dục, không có một người nào nhận thấy lỗi tăng thượng bằng Tùy thuận trí. Không có việc này. Như lia dục cỡi Sắc, Vô Sắc, sau đó mới lia bỏ ham muốn cỡi Dục thì không có việc đó! Hoặc lúc đầu, khó dứt địa mình, vì không thể lia. Ví như quốc vương, không có khả năng hàng phục ở nước mình, lại muốn hàng phục nước khác. Là vua thì phải hàng phục nước mình, rồi mới hàng phục nước khác, Pháp trí cũng vậy.

Hỏi: Thần thông là tánh của trí nào?

Đáp:

*Thần túc, thiên nhãn, nhĩ  
Phải biết một Thế trí  
Sáu trí nhớ túc mạng  
Năm nói Tha tâm trí.*

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ, phải biết một Thế trí: Nghĩa là thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ là một Thế trí, trí vô lậu chẳng chuyển như vậy. Trí của thần túc thông kia có khả năng hiện rõ các việc, các việc được hiện rõ là công năng của trí tuệ.

Thiên nhĩ thông là tuệ tương ứng với thiên nhĩ thức.

Sinh tử trí thông là tuệ tương ứng với thiên nhĩ thức.

Sáu trí nhớ lại đời trước, là nhớ lại sáu trí thần thông của quá khứ, đó là: Pháp trí thì nhớ lại phần của pháp trí, Tùy thuận trí thì nhớ lại phần của tùy thuận trí, thế trí nhớ lại phần của thế trí, khổ trí thì nhớ lại các thứ khổ trong quá khứ. Tập trí cũng như vậy. Đạo trí thì nhớ lại hành xuất thế gian. Luận sư nước Kế-tân nói: Chỉ là một thế trí. Năm nói tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí thông thì có năm trí, đó là: Pháp trí, Tùy thuận trí, Thế trí, Đạo trí và Tha tâm trí.

*Chín trí lậu tận thông  
Do trí quyết định nói  
Tám trí chuyển trong thân  
Pháp mười, chín trí hai.*

Chín trí lậu tận thông, do trí quyết định nói, nghĩa là lậu tận thông thuộc về chín trí vô lậu Lậu tận trí.

Hỏi: Như Tha tâm trí, Tận trí, Vô sinh trí không sao lại nói là thuộc về?

Đáp: Vì thuộc về chánh kiến của vô học. Tất cả ba thứ trí vô học đó, đều gọi là lậu tận thông.

Hỏi: Niệm xứ là tánh của trí nào?

Đáp: Tám trí chuyển trong thân, nếu có sắc thân thì gọi là tám trí chuyển trong sắc thân đó trừ Tha tâm trí và Diệt trí.

Pháp mười là trừ sắc, thọ, tâm, còn pháp, gọi là pháp niệm xứ, mười trí chuyển trong đó, như trước đã nói.

Chín trí hai là trong thọ, tâm, trừ Diệt trí, có chín trí chuyển.

Hỏi: Mười lực, bốn pháp vô úy của Như Lai là tánh của trí, trí đó khác nhau thế nào?

Đáp:

*Lực thị xứ , phi xứ  
Cho đến vô úy đầu  
Phải biết mười trí Phật  
Còn lại khác trong đây.*

Lực Thị xứ, phi xứ cho đến Vô úy đầu, phải biết là mười trí của Phật: Nếu là mười trí của lực xứ, phi xứ, như vậy, pháp Vô úy đầu tiên như ta là bậc chánh biến tri v.v... Như vậy, nói rộng thì vô úy đó cũng có mười trí. Vì sao? Vì chính đang nhận lấy. Ngoài ra, sự khác nhau trong mười trí này là sự khác nhau của lực xứ, phi xứ. Lực khác là sự khác nhau của pháp không sợ ban đầu và pháp không sợ khác.

Hỏi: Vì sao Đức Phật tạo lập ra nhiều loại khác nhau?

Đáp: Đức Phật tùy theo xứ sở, mà giáo hóa chúng sinh, nên lập ra nhiều loại khác nhau. Có người tin ưa thì nói rộng, không ưa thì nói chung. Có người thích nói lược. Nghĩa của lược, là thuận theo sự ưa muốn của mình, nghĩa là có khả năng thành tựu, đó là nghĩa lược. Nghĩa không chướng ngại là nghĩa lược, nghĩa năng chế ngự là nghĩa lược, nghĩa không thể xâm lấn là nghĩa lược, nghĩa có khả năng xâm đoạt người khác là nghĩa lược.

Lực của xứ, phi xứ kia là quyết định không ngại trong nhân quả, đó gọi là lực của xứ, phi xứ.

Tự nghiệp trí lược là báo nhân của việc thiện, bất thiện nghiệp xứ, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc nhất định, hoặc không nhất định. Trí vô ngại trong các nghĩa như thế... gọi là Tự nghiệp trí lược.

Thiền giải thoát Tam muội, chánh thọ trí lược: Tên gọi, tự tánh của thiền v.v... này đã được phương tiện thuộc về có phần vị, tịnh, vô lậu,

thoái, trụ thẳng đật. Nếu trí vô ngại trong các nghĩa như thế v.v... thì gọi là định lực.

Căn sai biệt trí lực: Nghĩa là đối với căn cơ, trung, thượng của chúng sinh, đều có khả năng biết được. Nếu trí vô ngại thì gọi là Căn sai biệt trí lực.

Chủng chủng giải trí lực: Nghĩa là trí lực tự hiểu biết mọi dục lạc, thiện ác hạ trung thượng của chúng sinh, một cách không ngăn ngại. Đó gọi là chủng chủng giải trí lực.

Chủng chủng tánh trí lực: Nghĩa là biết tánh của chúng sinh, biết tánh sai biệt của pháp. Nếu trí không chướng ngại, đó gọi là chủng chủng tánh trí lực.

Nhất thiết chí xứ đạo lực: Nghĩa là tất cả nghiệp chuyển biến sanh tử, có khả năng dứt hết thấy pháp sinh, biết rõ trí không chướng ngại, đó gọi là Chí xứ đạo trí lực.

Ức tức mệnh trí lực: Nghĩa là trí lần lượt nhớ biết về sự sống, chết của mình, của người trong quá khứ một cách không chướng ngại. Đó gọi là Ức tức mệnh trí lực.

Sinh tử trí lực: tức trí nhận thấy sự nối tiếp nhau của chúng sinh ở vị lai một cách không chướng ngại. Gọi đó là Sinh tử trí lực.

Lậu tận trí lực: Nghĩa là nếu lậu dứt hết, phương tiện của lậu cũng dứt hết, mà trí không bị chướng ngại, đó gọi là Lậu tận trí lực.

Đây là mười lực của Như lai, Vô úy thì như trong kinh có nói rộng. Nghĩa không yếu hèn là nghĩa Vô úy, nghĩa không e sợ là nghĩa Vô úy, nghĩa không trốn tránh là nghĩa Vô úy, nghĩa không thấp hèn là nghĩa Vô úy. Như sư tử với sức mạnh mẽ đầy đủ của mình, không nhờ ở bạn. Như sư tử không sợ, là nghĩa Vô úy.

Hỏi: Kiến của vô ngại biện, cũng là tánh của trí. Sự sai biệt của mỗi loại thế nào?

Đáp:

*Pháp biện - Từ biện một*

*Nhạo - Nghĩa biện đều mười*

*Bấy trí là nguyện trí*

*Do người trí nói ra.*

Pháp biện, Từ biện một: Pháp Vô ngại biện tài là đối với câu, vị đều biểu hiện ở trước. Nếu trí đối với câu, vị ấy không ngăn ngại thì gọi là Pháp vô ngại, là Thế trí.

Từ vô ngại biện tài: Nghĩa là phương tiện ngôn ngữ, chánh hay không chánh tùy theo phong tục địa phương, nếu trí không bị chướng

ngại, đó gọi là Từ vô ngại; cũng là Thế trí.

Nhạo nghĩa biện tài đều có mười: Nghĩa là ưa nói, không bị ngăn ngại, tức là nghĩa của pháp và lời tương ứng nhau, tùy ý phát ra lời nói hùng hồn, không yếu ớt, nói lên các thuyết, nếu trí không bị ngăn ngại, đó gọi là ưa nói không ngăn ngại (Nhạo thuyết vô ngại), Biện tài này có mười trí.

Nghĩa vô ngại biện tài: Nghĩa là đối với tự tướng và cộng tướng của pháp, nếu trí không bị ngăn ngại, gọi là Nghĩa vô ngại biện tài; cũng đủ mười trí, vì có khả năng thọ nhận tướng chân thật.

Hỏi: Nguyện trí có bao nhiêu trí?

Đáp: Nguyện trí có bảy trí, do người trí nói ra, lời nguyện ước, được vận chuyển đầu tiên, vì nghĩa ưa muốn vận chuyển, nên gọi là nguyện trí. Về bảy trí đó, theo Luận sư nước Kế-tân nói, là trừ Tha tâm trí, Tận trí và Vô sinh trí.

-----